

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-PT

Ngày: 14-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng D.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang T

Ông Lương Phước Đ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn C - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 14-3-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 203/2021/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng M, do có kháng cáo của bị hại, đại diện bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 47/2021/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 01-01-1976. Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ A, huyện C, tỉnh G; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng T2 (c) và bà Võ Thị X (s); Có vợ tên Phan Ngọc T3, sinh năm 1978; Có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2013; Có 03 người em (lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1983); Tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. có mặt.

Bị đơn dân sự: Công ty cổ phần C.

Nơi cư trú: Võ Thị S, phường H, quận K, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn dân sự:

Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1994. Có mặt.

Nơi cư trú: Nguyễn Cư TR, phường N, quận K, thành phố Cần Thơ.

Bị hại: Ông Phạm Lê Công T4, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:

1/ Bà Lê Thị Kim H2, sinh năm 1971. Có mặt.

2/ Ông Phạm Công K; sinh năm 1973. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp LB, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01-11-2020, sau khi uống bia cùng nhân viên Công ty Cổ phần C thì Nguyễn Hoàng M điều khiển xe ô tô biển số 65C-060.45 đến huyện TL, thành phố Cần Thơ đổ rác. Khi M đang chạy từ hướng xã MK về thị trấn P, huyện P, M điều khiển xe lấn phần đường bên trái và va chạm với xe mô tô biển số 65G1-226.87 do Phạm Lê Công T4 đang chạy ngược chiều do M tránh xe ô tô phía bên phải. Hậu quả làm 02 xe trượt xuống lề trái theo hướng xe của M, T4 bị văng ra khỏi xe mô tô và bị thương nặng được đưa đến cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Trung ương thành phố Cần Thơ.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường ghi nhận: Đoạn đường xảy ra tai nạn là lộ NVC thuộc ấp MH, xã MK, huyện P; đường tráng nhựa phẳng, đường rộng 10 mét, đường có vạch kẻ đường không liền nét. Vị trí điểm đụng nằm bên phần đường bên trái của xe M điều khiển, cách cầu RC về hướng thị trấn P 30m; vị trí đầu vết cày đo từ tim lộ qua bên trái là 3m65 (ký hiệu 1), vết cày dài 0,85m; vị trí cuối vết cày, đo từ tim lộ qua bên trái là 4m85 là vị trí trực trước xe mô tô 65G1-226.87, ký hiệu (2). Từ vị trí số (2) đo theo hướng Tây 6m40 có vết màu nâu trên đất và cỏ (nghỉ là máu), ký hiệu (3), cách tim lộ về phía bên trái là 9m45 (nằm bên ngoài lề đường bên trái theo hướng xe ô tô của M điều khiển).

Tại biên bản kiểm tra nồng độ cồn của M: Có kết quả 0,416mg/l.

Tại phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của T4: Không có nồng độ cồn trong máu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 28/TgT ngày 05-02-2021 của Trung tâm giám định pháp y thành phố Cần Thơ kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Phạm Lê Công T4 là: 78%.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Phạm Lê Công T4 yêu cầu Bị cáo và công ty Cổ phần C bồi thường chi phí điều trị thương tích, ngày công lao động, tổn thất tinh thần, chi phí vật lý trị liệu, chi phí phẫu thuật lấy Inox, lấy xi măng, tiền lương của người chăm sóc là ông Phạm Công K và bà Lê Thị Kim H2 với tổng số tiền 1.125.000.000 đồng. Bị cáo và công ty Cổ phần C đã bồi thường 205.500.000 đồng. Số tiền còn lại là 919.500.000 đồng, Bị cáo và Công ty cổ phần C chưa đồng ý bồi thường.

Tại bản án số 47/2021/HS-ST ngày 22-10-2021, Tòa án nhân dân huyện P đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự ; Khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ; khoản 1 Điều 9 và Điều 13 Luật giao thông đường bộ.

Xử phạt Nguyễn Hoàng M 02 (H2) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 275, 288, 357, 590, 597 và 601 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng M và Công ty cổ phần C chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Phạm Lê Công T4 tổng số tiền 361.853.843 đồng, khấu trừ số tiền đã đưa trước là 205.500.000 đồng nên số tiền còn phải tiếp tục bồi thường là 156.353.843 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu ba trăm năm mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi ba đồng).

Ngoài ra, còn có quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 25-10 và ngày 17-11-2021, bị hại và đại diện bị hại kháng cáo đề nghị tăng tiền bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng tiền bồi thường với các lý do cấp sơ thẩm xem xét mức bồi thường không thỏa đáng. Bị đơn dân sự thông nhất mức bồi thường các chi phí hợp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định: Về phần trách nhiệm hình sự, án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định, mức án cấp sơ thẩm tuyên là tương xứng, sau khi xét xử sơ thẩm không ai kháng cáo về phần trách nhiệm hình sự nên không đặt ra xem xét. Đối với kháng cáo của phía bị hại về phần trách nhiệm dân sự, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo. Buộc bị cáo và bị đơn dân sự phải bồi hoàn cho phía bị hại khoản tiền chi phí thực tế có hóa đơn tiền sữa, tiền khăn, tả lót là 36 triệu đồng và hoàn lại số tiền 80% bảo hiểm y tế do phía bị hại đóng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Xét các đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung của bị hại và đại diện bị hại là đúng theo quy định tại Điều 333 và Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, nên công nhận hợp lệ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua lời thừa nhận của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 01-11-2020, sau khi uống bia cùng anh em công nhân Công ty Cổ phần Cthì Nguyễn Hoàng M điều khiển xe ô tô biển số 65C-060.45 đến TL đổ rác. Khi M đang chạy từ hướng xã MK về thị trấn P, huyện P, M điều khiển xe lấn phần đường bên trái và va chạm với xe mô tô biển số 65G1-226.87 do Phạm Lê Công T4 đang chạy ngược chiều do M tránh xe ô tô phía bên phải. Hậu quả làm 02 xe trượt xuống lề trái theo hướng xe của M. T4 bị văng ra khỏi xe mô tô và bị thương nặng được đưa đến cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Trung ương thành phố Cần Thơ.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8; khoản 1 Điều 9 và Điều 13 Luật Giao thông đường bộ. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt bị cáo với mức án 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, người bị hại không có kháng cáo về phần trách nhiệm hình sự nên không đặt ra xem xét.

[3] Về phần trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử nhận định về nội dung kháng cáo yêu cầu tăng tiền bồi thường như sau:

[3.1] Về xác định thiệt hại: Hội đồng xét xử nhận định như sau:

+ Chi phí điều trị và vật lý trị liệu có hóa đơn, chứng từ hợp lệ là 139.853.843 đồng.

+ Tiền lương của bị hại: 5.000.000 đồng/tháng x 11 tháng = 55.000.000 đồng.

+ Về tổn thất tinh thần: Cấp sơ thẩm đã áp dụng mức tối đa 50 mức lương cơ sở là 50 x 1.490.000 đồng = 74.500.000 đồng.

+ Về tiền lương và tiền công của người chăm nom (cha, mẹ bị hại): Đối với ông Phạm Công K (là cha của bị hại) đi làm có Hợp đồng lao động với mức lương là 6.781.860 đồng/tháng – Ông chỉ yêu cầu 6.000.000 đồng/tháng; Đối với bà Lê Thị Kim H2 (mẹ bị hại) là 6.000.000 đồng/tháng. Do bị hại bị thiệt hại về sức khỏe nặng nên tính cho cha mẹ bị hại 02 tháng đầu lúc bị hại điều trị tại bệnh viện là 24.000.000 đồng. Sau đó, tính cho 01 người chăm sóc cho bị hại đến nay là 10 tháng tiền lương là 60.000.000đ. Tổng cộng là 84.000.000 đồng.

+ Về tiền vé xe Taxi: Vé lượt đi và về đến Bệnh viện điều trị và phục hồi chức năng với số tiền là 3.500.000 đồng.

+ Tiền sửa xe: Hai bên thỏa thuận 5.000.000 đồng.

Tổng cộng: 361.853.843 đồng.

Cấp sơ thẩm đã xem xét các chí phí hợp lý nên công nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các khoản chi phí thực tế như tiền mua sữa, khăn giấy, tả lót cho người bị hại là chưa phù hợp. Do vậy, đối với kháng cáo của bị hại có căn cứ chấp nhận, qua đối chiếu hóa đơn, chứng từ phía bị hại thực chi là 36

triệu đồng là phù hợp.

[3.2] Đối với nội dung kháng cáo: Bà Lê Thị Kim H2 (mẹ bị hại) yêu cầu tiền mất thu nhập từ nghề nuôi lợn nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới thể hiện thu nhập. Cấp sơ thẩm đã căn cứ mức lao động bình quân cùng loại tại địa phương 200.000 đồng/ngày là hợp lý.

[3.3] Về yêu cầu trả lại số tiền bảo hiểm y tế đã thanh toán 80% trên tổng số tiền theo bảng kê tại Bệnh viện. Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bảo hiểm trên cơ sở tự nguyện của người bị hại nên khi tai nạn xảy ra khoản tiền thanh bảo hiểm người mua bảo hiểm hưởng là phù hợp. Cấp sơ thẩm không khấu trừ lại số tiền bảo hiểm bị hại đã được hưởng là ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại. Do vậy, kháng cáo của người bị hại và đại diện theo ủy quyền của người bị hại là có căn cứ chấp nhận số tiền khấu trừ bảo hiểm là 91.915.680 đồng.

[3.4] Đối với các chi phí phát sinh từ sau khi xét xử sơ thẩm, nếu người bị hại có yêu cầu thì có thể khởi kiện trong vụ án dân sự khác.

Từ những căn cứ trên, hội đồng xét xử thống nhất quan điểm đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên không ai phải chịu án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Đ 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại và đại diện bị hại. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng M phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Khoản 8 Điều 8; khoản 1 Điều 9 và Điều 13 Luật giao thông đường bộ.

Xử phạt Nguyễn Hoàng M 02 (H2) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 275, 357, 590, 597, 600 và 601 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng M và Công ty Cổ phần C chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Phạm Lê Công T4 tổng số tiền 489.769.523 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo và Công ty Cổ phần C đã nộp khắc phục hậu quả là 205.500.000 đồng, số tiền còn lại phải tiếp tục bồi thường là 284.269.523 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng M phải chịu 200.000 đồng (H2 trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo và Công ty cổ phần C liên đới nộp số tiền 14.213.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị hại và đại diện bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hoàng D

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm;
- Bị cáo, bị hại,
- Lưu.

